SURVEY ON THE FREQUENCY OF USING SEPARATE VERBS BY 2ND-YEAR STUDENTS, MAJORING IN CHINESE LANGUAGE, THAI NGUYEN UNIVERSITY BRANCH IN LAO CAI PROVINCE

Tran Thi Thuy Linh

Thai Nguyen University, Lao Cai Campus

Email: linhttt@tnu.edu.vn

Received: 20/02/2025
Reviewed: 26/02/2025
Revised: 04/03/2025
Accepted: 20/03/2025
Released: 30/03/2025

DOI:

https://doi.org/.../.../...

This study investigates the frequency of separable verbs usage among second-year students majoring in Chinese Language at the Thai Nguyen University, Lao Cai campus. Based on an analysis of 500 student essays from the 2022-2023 and 2023-2024 academic years, the research evaluates the extent of usage and the ability to insert other components into separable verbs. The results indicate that students frequently use separable verbs, particularly in essays on familiar topics. However, there is a noticeable difference between beginner and intermediate levels, with intermediate students demonstrating more flexible and diverse usage. Additionally, students' ability to insert components into separable verbs remains limited, especially at the beginner level. This study provides insights into students' use of separable verbs and proposes appropriate teaching strategies to enhance the effectiveness of Chinese language learning.

Keywords: *Separable verbs, second-year students, usage frequency, grammatical errors, Chinese language teaching.*

1. Đặt vấn đề

Từ li hợp là một đơn vị ngôn ngữ có tính linh hoạt cao, vừa mang đặc điểm của từ, vừa có thể tách rời như một cụm từ. Đây là một hiện tượng ngữ pháp đặc thù trong tiếng Hán, khác biệt đáng kể so với nhiều ngôn ngữ khác, bao gồm cả tiếng Việt. Với số lượng lớn, tính chất phức tạp và nhiều cách dùng đặc biệt, từ li hợp trở thành một trong những thách thức đối với người học tiếng Hán, đặc biệt là người học tiếng Hán như ngoại ngữ.

Những khó khăn phổ biến khi sử dụng từ li hợp có thể kể đến như: phân biệt từ li hợp với động từ đơn hoặc cụm động từ, xác định chức năng ngữ pháp của từ li hợp trong câu, sắp xếp trật tự các thành phần khi mở rộng từ, cũng như cách dùng từ li hợp trong các cấu trúc đặc biệt như đảo ngữ, điệp ngữ, câu bị động và câu có bổ ngữ. Bên cạnh đó, một số từ li hợp có cách dùng không tuân theo quy tắc chung, khiến sinh viên gặp nhiều trở ngại khi áp dụng vào thực tế giao tiếp và bài viết. Vì vậy, việc nghiên cứu về mức độ sử dụng từ li hợp của sinh viên không chỉ giúp đánh giá khả năng tiếp thu kiến thức ngữ pháp mà còn góp phần cải thiện chất lượng biểu đạt của người học.

Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại tỉnh Lào Cai là cơ sở duy nhất đào tạo cử nhân ngành Ngôn ngữ Trung Quốc trong tỉnh. Sinh viên của trường có nền tảng ngôn ngữ đa dạng, nhiều người không sử dụng tiếng Việt làm tiếng mẹ đẻ. Đối với sinh viên năm 2, đây là giai đoạn các em đã được trang bị các kiến thức ngữ pháp cơ bản và bắt đầu thực hành kỹ năng viết bài luận bằng tiếng Hán. Tuy nhiên, mức độ sử dụng từ li hợp trong bài viết vẫn chưa được nghiên cứu một cách hệ thống, khiến chúng ta chưa có cái nhìn tổng quát về thực trạng và khó khăn mà sinh viên gặp phải.

Do đó, nghiên cứu này tập trung khảo sát tần suất sử dụng từ li hợp của sinh viên năm 2 tại Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại tỉnh Lào Cai. Mục tiêu chính là đánh giá thực trạng sử dụng từ li hợp của sinh viên, chỉ ra những vấn đề còn tồn tại và đề xuất hướng cải thiện nhằm nâng cao khả năng sử dụng ngữ pháp của sinh viên. Cụ thể, nghiên cứu sẽ giải quyết ba câu hỏi chính sau:

(1) Sinh viên sử dụng bao nhiêu từ li hợp trong bài viết của mình? Những từ nào được dùng nhiều nhất/ít nhất?

(2) Tần suất sử dụng từ li hợp có thay đổi giữa các giai đoạn học không?

(3) Sinh viên có sử dụng đúng cấu trúc và cách dùng của từ li hợp không?

2. Tổng quan nghiên cứu vấn đề

Có rất nhiều tác giả trong và ngoài nước đã nghiên cứu, thảo luận về từ li hợp. Những nghiên cứu này chủ yếu tập trung vào đặc điểm, lỗi sai và phương pháp giảng dạy từ li hợp cho người học tiếng Hán như ngôn ngữ thứ hai.

Ở Trung Quốc, nhiều học giả đã phân tích bản chất và cách sử dụng từ li hợp. Ví dụ, S. X. Lu (1985) chỉ ra rằng từ li hợp có tính chất đặc thù, vừa có thể tách rời vừa có thể kết hợp, tạo nên sự phức tạp trong việc sử dụng [1]. X. H. Li (2002) đã nghiên cứu lỗi sai phổ biến của người học tiếng Hán

khi sử dụng từ li hợp, phát hiện rằng họ thường gặp khó khăn trong việc xác định cấu trúc ngữ pháp phù hợp [2]. Ngoài ra, L. Wang (2010) đã khảo sát các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng tiếp thu từ li hợp của người học nước ngoài, nhấn mạnh vai trò của phương pháp giảng dạy và tần suất tiếp xúc với ngữ liệu thực tế [3]. Những nghiên cứu này cho thấy việc sử dụng từ li hợp của người học tiếng Hán còn gặp nhiều khó khăn, đặt ra nhu cầu khảo sát mức độ sử dụng thực tế của từ li hợp trong môi trường giảng dạy.

Ở Việt Nam, nhiều nghiên cứu trước đây cũng đã đề cập đến từ li hợp trong tiếng Hán, bao gồm đặc điểm ngữ pháp, phân loại và cách sử dụng. Mai Thị Huế (2015) phân tích khái niệm, đặc điểm và tính chất "li" và "hợp" của từ li hợp, chỉ ra rằng chính khả năng tách và hợp này gây khó khăn cho việc dạy và học [4]. Một số nghiên cứu khác tập trung vào lỗi sai phổ biến khi sử dụng từ li hợp. Chẳng hạn, Ngô Thị Lưu Mai (2007) đã khảo sát lỗi sai thường gặp của sinh viên Việt Nam khi sử dụng từ li hợp dạng động-tân, tổng hợp nguyên nhân và đề xuất giải pháp giảng dạy [5]. Nguyễn Thị Thúy An (2012) tiến hành khảo sát thực trạng giảng dạy từ li hợp tại một số trường đại học, từ đó đưa ra khuyến nghị giúp cải thiện hiệu quả dạy học [6].

Mặc dù có nhiều nghiên cứu về từ li hợp, phần lớn tập trung vào phân tích lỗi sai hoặc phương pháp giảng dạy. Tuy nhiên, chưa có nghiên cứu nào khảo sát mức độ sử dụng thực tế của từ li hợp, đặc biệt là đối với sinh viên dân tộc thiểu số – những người có ngôn ngữ mẹ đẻ không phải là tiếng Việt. Do đó, nghiên cứu này không chỉ nhằm đánh giá tần suất sử dụng từ li hợp trong bài viết của sinh viên mà còn phân tích sự khác biệt giữa các giai đoạn học tập, góp phần đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả giảng dạy tiếng Hán tại các khu vực có đa dạng ngôn ngữ bản địa.

3. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau:

Phương pháp thu thập dữ liệu: sử dụng phiếu khảo sát để thu thập thông tin từ sinh viên năm 2, giúp đánh giá mức độ nhận thức và sử dụng từ li hợp của người học. Thu thập bài làm văn của sinh viên nhằm phân tích tần suất sử dụng từ li hợp trong thực tế.

Phương pháp phân tích dữ liệu: xử lý số liệu: dữ liệu thu thập được phân loại và xử lý bằng phần mềm Excel; Phân loại và đếm tần suất: các từ li hợp trong bài viết của sinh viên được thống kê, phân loại theo nhóm và đếm số lần xuất hiện; Phân tích định lượng và định tính: kết quả thống kê được mô tả, phân tích theo phương pháp định lượng (số liệu thống kê) và định tính (đánh giá mức độ sử dụng)

Đối tượng nghiên cứu của bài viết này bao gồm:

Bài viết của sinh viên: thu thập 500 bài viết từ học phần Đọc - Viết 3 (kỳ 1) và Đọc - Viết 4 (kỳ 2) của sinh viên năm 2 trong năm học năm học 2022 - 2023 và năm học 2023 - 2024, chuyên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc, Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại tỉnh Lào Cai. Mỗi học phần thu được 250 bài, tổng cộng 500 bài viết, mỗi bài có độ dài khoảng 200-300 chữ.

Sinh viên tham gia khảo sát: để đánh giá mức độ nắm vững từ li hợp khi phân li, nhóm nghiên cứu đã tiến hành một khảo sát bổ sung. Trong mỗi học kỳ của năm học 2022-2023 và 2023-2024, 100 sinh viên năm 2 được chọn ngẫu nhiên để tham gia khảo sát.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Khảo sát tần suất sử dụng từ li hợp của sinh viên

Chúng tôi thu thập và phân tích 500 bài viết từ học phần Đọc – Viết 3 và Đọc – Viết 4 của sinh viên. Kết quả cho thấy, các bài viết về người và sự vật như: "Người có ảnh hưởng lớn nhất đối với bạn/对你影响最大的一个人" , "Chuyến du lịch khó quên/难忘的旅行", "Kể về trải nghiệm của bạn/谈谈你的经历"...hay các bài văn liên quan tới sở thích, hứng thú của sinh viên thì tần suất sử dụng từ li hợp cao hơn.

Bảng 1. Kết quả khảo sát tần suất sử dụng từ li hợp của sinh viên

Đọc viết 3			Đọc viết 4		
Số từ xuất hiện	Số lần sử dụng	Tỉ lệ (%)	Số từ xuất hiện	Số lần sử dụng	Tỉ lệ (%)
83	811	100	86	1001	100

Từ số liệu bảng trên có thể thấy, trong quá trình viết, sinh viên năm 2 đã chú ý tới việc sử dụng từ li hợp để diễn đạt nội dung cần thiết. Tần suất sử dụng từ li hợp cũng tương đối cao. Trong 250 bài văn của học phần Đọc - viết 3, sinh viên sử dụng tất cả 83 từ li hợp, tần xuất sử dụng là 811 lần. Trong 250 bài văn của học phần Đọc - viết 4, sinh viên sử dụng tất cả 86 từ li hợp, tần suất sử dụng là 1001 lần.

Tuy nhiên tần suất sử dụng của mỗi từ li hợp khác nhau, có nhiều từ có sự chênh lệch lớn. Trong số 87 từ li hợp được sinh viên sử dụng, từ có tuần suất xuất hiện nhiều nhất là "见面" (103/1812 lần, chiếm 5.68%), "聊天儿" (95/1812 lần, chiếm 5.24%), " 上课"(73/1812 lần, chiếm 4.02%), "睡觉" (69/1812 lần, chiếm 3.8%), " 游泳" (61/1812 lần, chiếm 3.36%), "生气" (59/1812 lần, chiếm 3.25%), "下课" (50/1812 lần, chiếm 2.75%), "上班" (49/1812 lần, chiếm 2.69%), "谈话" (48/1812 lần, chiếm 2.63%), "听话" (48/1812 lần, chiếm 2.63%), "下班" (46/1812 lần, chiếm 2.52%), "放心" (43/1812 lần, chiếm 2.36%), "起床" (43/1812 lần, chiếm 2.36%), "看病" (41/1812 lần, chiếm 2.25%). Tần suất xuất hiện ít, chỉ từ 1 đến 3 lần có "签名" ，"滑冰" ，"订婚" ，"挨打" ，"挨骂".

Sinh viên căn cứ theo nội dung viết văn khác nhau mà lựa chọn các từ li hợp phù hợp để diễn đạt tư tưởng, tình cảm của mình. Tuy nhiên, dễ thấy các từ ngữ gần gũi với cuộc sống sinh viên, các từ thường gặp trong giáo trình học hoặc các từ thường xuyên được dùng rèn luyện kĩ năng trên lớp có số lần xuất hiện nhiều hơn các từ khác. Ngoài các từ li hợp song âm tiết, khi viết văn, một bộ phận sinh viên thường chèn các thành phần khác vào giữa một cách hợp lý, có lúc thì tách ra, lúc lại hợp lại. Từ đó nâng cao hiệu quả diễn đạt, phong phú thông tin truyền đạt của từ li hợp. Ví dụ như: "见朋友们的面", "生我的气", "上夜班", "照几张相", "下了课", "听父母的话", "帮家长的忙", "睡懒觉", "放暑假" ...

Nhằm tìm hiểu sự chênh lệch về tần suất sử dụng từ li hợp của sinh viên ở giai đoạn trình độ sơ cấp (kì 1) và trình độ trung cấp (kì 2), trong 2 năm học 2022-2023 và 2023-2024, chúng tôi tiếp tục tổng hợp số lần sử dụng từ li hợp từ 500 bài viết đã thu thập, sau đó so sánh tỉ lệ ở hai nhóm trình độ này, chứng minh sinh viên ở trình độ khác nhau có tần suất sử dụng từ li hợp khác nhau.

Bảng 2. Tần suất sử dụng từ li hợp của sinh viên giai đoạn sơ cấp và trung cấp

Năm học	Trình độ sơ cấp (Đọc – viết 3)		Trình độ trung cấp (Đọc – viết 4)	
	Số lần sử dụng	Tần suất (%)	Số lần sử dụng	Tần suất (%)
2022 – 2023	392	21.63	490	27.04
2023 – 2024	419	23.12	511	28.2

Kết quả khảo sát được biểu thị lại bằng biểu đồ sau.

Hình 1. Tần suất sử dụng từ li hợp của sinh viên giai đoạn sơ cấp và trung cấp

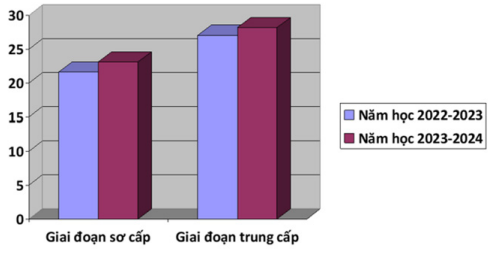

Từ số liệu trong bảng 2 và Hình 1 có thể thấy, sinh viên chuyên ngành ngôn ngữ Trung Quốc ở trình độ và giai đoạn khác nhau sẽ có tần suất sử dụng từ li hợp khác nhau. Tần suất sử dụng từ li hợp ở giai đoạn trình độ sơ cấp thấp hơn giai đoạn trình độ trung cấp, cụ thể chênh nhau 5.41% (năm học 2022-2023) và 5.08% (năm học 2023-2024).

Trong giai đoạn trình độ sơ cấp, sinh viên chủ yếu sử dụng các từ li hợp học được ở giáo trình trình độ sơ cấp qua các học phần kiến thức cơ sở ngành, ví dụ như: "见面", "散步", " 上课", "下课", "上街", "上班", "考试", "发烧", "生气", "听课", "听话", "帮忙", "睡觉", "起床".

Ở giai đoạn trình độ trung cấp, sinh viên bắt đầu sử dụng từ li hợp nhiều hơn thông qua các học phần chuyên ngành, nơi họ được rèn luyện cả bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. So với giai đoạn sơ cấp, số lượng bài viết tăng lên, độ dài mở rộng, yêu cầu từ vựng phong phú hơn, trong đó có từ li hợp. Ngoài ra, sinh viên còn tiếp thu từ vựng từ nhiều nguồn khác nhau như tài liệu tham khảo, giao tiếp thực tế

và môi trường học tập, giúp cách sử dụng từ li hợp trở nên linh hoạt hơn.

Thực trạng này phản ánh sự phát triển tự nhiên của liên ngôn ngữ. Theo lý thuyết liên ngôn ngữ, ở giai đoạn đầu, sinh viên ít sử dụng từ li hợp và dễ mắc lỗi. Nhưng khi trình độ tăng lên, vốn từ mở rộng, tần suất sử dụng từ li hợp cao hơn, số lỗi cũng giảm dần. Điều này phù hợp với cách sắp xếp nội dung giảng dạy từ dễ đến khó, giúp sinh viên tiếp thu kiến thức một cách hệ thống.

Ngoài những từ li hợp trong giáo trình, sinh viên năm 2 còn chủ động mở rộng vốn từ bằng cách học từ các nguồn khác. Kết quả khảo sát cho thấy nhiều từ li hợp xuất hiện trong bài viết chưa từng được dạy chính thức, cho thấy khả năng tự học và vận dụng thực tế của sinh viên. Một số sinh viên đã biết dùng từ li hợp theo chủ đề, chứng tỏ sự tiến bộ trong tư duy ngôn ngữ và khả năng diễn đạt bằng tiếng Hán.

Tóm lại, sinh viên trung cấp sử dụng từ li hợp với tần suất cao hơn, hình thức phong phú hơn, nhưng vẫn gặp khó khăn trong một số trường hợp phức tạp. Do đó, việc giảng dạy cần chú trọng hơn vào thực hành và hướng dẫn cụ thể để sinh viên có thể sử dụng từ li hợp chính xác và hiệu quả hơn trong cả văn viết lẫn giao tiếp.

4.2. Khảo sát thực trạng chèn thêm các thành phần khác khi sử dụng từ li hợp của sinh viên.

Nhằm mục đích tìm hiểu mức độ nắm vững từ li hợp khi phân li của sinh viên, trên cơ sở số liệu thống kê về sử dụng từ li hợp của sinh viên trong viết văn đã thu thập được, chúng tôi tiếp tục cho sinh viên làm một khảo sát. Cụ thể, trong mỗi 1 học kì của năm học 2022-2023 và 2023-2024, chúng tôi chọn ngẫu nhiên ra 100 sinh viên năm 2 để tiến hành khảo sát.

Nội dung khảo sát là chèn các thành phần khác nhau cho các từ li hợp trong phiếu khảo sát, mỗi một từ phải chèn ít nhất là 1 thành phần, có thể chèn nhiều hơn tùy khả năng.

Kết quả khảo sát cho thấy, các sinh viên được khảo sát đều biết chèn thành phần khác vào từ li hợp trong phiếu khảo sát. Số lượng thành phần có thể chèn vào từ 1 đến 6 thành phần. Cụ thể là: trợ từ động thái（ “了”, “着”, “过” ）, số lượng từ, danh từ, đại từ, hình dung từ, tổng hợp.

Trên thực tế, sinh viên chỉ có thể chèn nhiều nhất 4 loại thành phần khác nhau. Ví dụ: với từ “gặp mặt/见面” có các hình thức chèn như: （1）见过面；（2）见一次面；（3）见父母面；（4）见过一次父母面. Trong đó kiểu thứ 4 là hình thức chèn tổng hợp, “过” là trợ từ động thái, “一次” là số lượng từ, “父母” là danh từ. Sinh viên được khảo sát sẽ cùng làm trong 1 khoảng thời gian nhất định (thời gian quy định là 50 phút), không được tra từ điển, không được thảo luận với bạn bên cạnh, từ nào không biết có thể bỏ qua. Kết quả cụ thể như sau. (thời gian quy định là 50 phút), không được tra từ điển, không được thảo luận với bạn bên cạnh, từ nào không…”

Bảng 3. Kết quả khảo sát thực trạng sử dụng từ li hợp ở dạng phân li của sinh viên

Năm học		Số lượng từ	Tổng số dạng phân li
2022 - 2023	Kì 1 (Trình độ sơ cấp)	69	82
	Kì 2 (Trình độ trung cấp)	86	146
2023 - 2024	Kì 1 (Trình độ sơ cấp)	76	84
	Kì 2 (Trình độ trung cấp)	86	150

Từ số liệu khảo sát trên có thể thấy: thực trạng về hiểu biết và sử dụng từ li hợp khi chèn các thành phần khác của sinh viên năm 2 trong năm học 2022-2023 và 2023-2024 ở các giai đoạn giống nhau là tương đối đồng đều, không chênh lệch nhiều.

Sinh viên ở giai đoạn trình độ sơ cấp (học kì 3 năm học 2022-2023 và 2023-2024) tuy đã tiếp xúc với từ li hợp, tuy nhiên vì lượng từ vựng có hạn, có lẽ một số từ mới sinh viên chưa biết, cộng thêm một bộ phận sinh viên chưa thật sự hiểu về từ li hợp nên có tổng số 29/174 từ chưa được chèn thành phần vào, chiếm 16.67%. Trong đó, học kì 3 năm học 2022-2023 có 18/87 từ, chiếm 20.67%, học kì 3 năm học 2023-2024 có 11/87 từ, chiếm 12.64%. Chỉ có thể chèn 1 thành phần vào từ li hợp có 122/174 từ, chiếm 70.11%. Trong đó, học kì 3 năm học 2022-2023 có 54/87 từ, chiếm 62.07%, học kì 3 năm học 2023-2204 có 68/87 từ, chiếm 78.16%. Có thể chèn được 2 thành phần vào từ li hợp có 21/174 từ, chỉ chiếm 12.07%. Trong đó, học kì 3 năm học 2022-2023 có 13/87 từ, chiếm 14.92%, học kì 3 năm học 2023-2204 có 8/87 từ, chiếm 9.2%. Không có sinh viên nào có thể chèn 3 thành phần trở lên vào từ li hợp.

Sinh viên ở giai đoạn trình độ trung cấp (học kì 4), chỉ có 2 từ “称心” và “问好” là không thể chèn thành phần nào vào. Các từ còn lại, sinh viên đều có thể chèn ít nhất 1 thành phần. Cụ thể là: có thể

chèn 1 thành phần vào từ li hợp có 81/174 từ, chiếm 46.55%. Trong đó học kì 4 năm học 2022-2023 có 44/87 từ, chiếm 50.57%, học kì 4 năm học 2023-2024 có 37/87 từ, chiếm 42.53%. Có thể chèn 2 thành phần vào từ li hợp có 61/174 từ, chiếm 35.06%. Trong đó học kì 4 năm học 2022-2023 có 26/87 từ, chiếm 29.89%, học kì 4 năm học 2023-2024 có 35/87 từ, chiếm 40.23%. Có thể chèn 3 thành phần vào từ li hợp có 27/174 từ, chiếm 15.52%. Trong đó học kì 4 năm học 2022-2023 có 14/87 từ, chiếm 16.09%, học kì 4 năm học 2023-2024 có 13/87 từ, chiếm 14.92%. Có thể chèn 4 thành phần vào từ li hợp có 3/174 từ, chiếm 1.72%. Trong đó học kì 4 năm học 2022-2023 có 2/87 từ, chiếm 2.3%, học kì 4 năm học 2023-2024 có 1/87 từ, chiếm 1.15%, đó là hai từ thường gặp nhất là “帮忙” và “见面”.

Chúng tôi tiếp tục lựa chọn ngẫu nhiên 30 sinh viên tham gia bài trắc nghiệm tổng hợp về cách sử dụng của từ li hợp, chọn đúng tích (V), chọn sai tích (X), kết quả khảo sát như sau.

Bảng 4. Kết quả khảo sát trắc nghiệm tổng hợp cách sử dụng từ li hợp của sinh viên

TT	Ví dụ khảo sát	Diễn đạt đúng	Chọn đúng (V)	Chọn sai (X)
1	散步散步	散散步	18	12
2	睡觉一下	睡一下觉	19	12
3	洗澡热水	洗热水澡	17	13
4	舍不得	V	25	5
5	帮忙一下	帮一下忙	16	14
6	请病假	V	16	14
7	帮忙他	帮他的忙	20	10
8	讲话汉语	讲汉语话	15	15
9	帮忙帮忙	帮帮忙	17	13
10	开一下会	V	20	10
Tổng số (300)			182	118
Tỉ lệ phần trăm (100%)			61%	39%
Trung bình (X) = 30)			18.2	11.8

Căn cứ vào kết quả khảo sát, chúng tôi có biểu đồ

Liên quan tới vấn đề sắp xếp trật tự từ li hợp khi chèn “什么”, chúng tôi đã làm một khảo sát, kết quả khảo sát cụ thể như sau

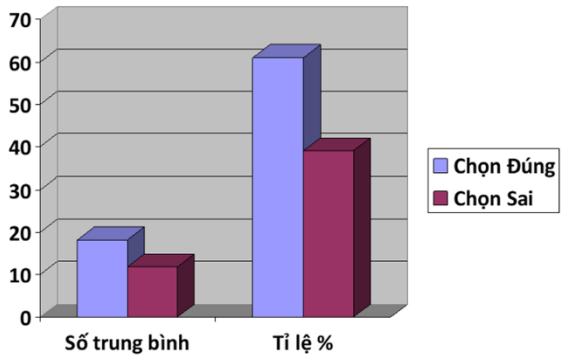

Liên quan tới vấn đề sắp xếp trật tự từ li hợp khi chèn “什么”, chúng tôi đã làm một khảo sát, kết quả khảo sát cụ thể như sau.

Bảng 5. Khảo sát thực trạng sắp xếp trật tự từ li hợp khi chèn "什么" của sinh viên

TT	Câu	Câu đúng	Số lượng đúng	Số lượng sai	Chênh lệch Xd = x1 – x2
1	按什么心	V	16	14	2
2	担心什么	担什么心	15	15	0
3	吃惊什么	吃什么惊	18	12	6
4	动什么手	V	15	15	0
5	补什么课	V	14	16	2
6	帮忙么什	帮什么忙	20	10	10
7	办什么公	V	13	17	4
8	动手什么	动什么手	12	18	6
9	会什么客	V	17	13	4
10	坐什么班	V	15	15	0
11	操什么心	V	14	16	2
12	出什么事了	V	13	17	4
13	打什么仗	V	17	13	4
14	担什么心	V	20	10	10
15	吃什么惊	V	17	13	4
16	补课什么	补什么课	20	10	10
17	坐班什么	坐什么班	14	16	2
18	做梦什么了	做什么梦了	16	14	2
19	办公什么	办什么公	14	16	2
20	按心什么	按什么心	20	10	10
Tổng (∑)			320	280	40
Số trung bình (X)			16	14	2
Tỉ lệ (%)			53.3%	46.7%	
Phương sai (S2)			124/19 = 6.53	124/19=6.53	
Độ lệch chuẩn (S)			2.55	2.55	

Biểu đồ so sánh thực trạng sắp xếp trật tự từ li hợp khi chèn "什么" của sinh viên như sau.

Hình 3. So sánh thực trạng sắp xếp trật tự từ li hợp khi chèn "什么" của sinh viên

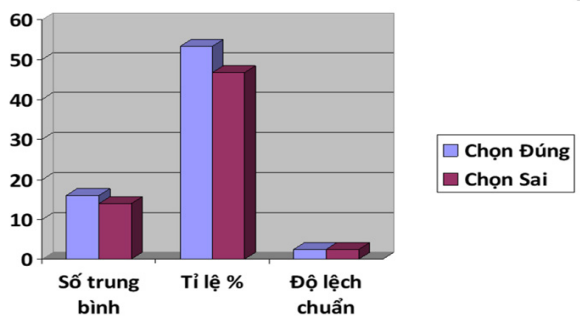

Liên quan tới thực trạng sử dụng từ li hợp hình thức lặp lại, chúng tôi cũng tiến hành khảo sát, kết quảkhảo sát như sau.

Bảng 6. Thống kê kết quả khảo sát hình thức lặp lại của từ li hợp của sinh viên

TT	Từ li hợp	Hình thức lặp lại đúng	Lựa chọn đúng	Lựa chọn sai	Chênh lệch Xd = x1 – x2
1	唱歌	唱唱歌	18	12	6
2	睡觉	睡睡觉	17	13	4
3	洗澡	洗洗澡	15	15	0
4	走路	走走路	25	5	20
5	安心	安安心心	5	25	20
6	帮忙	帮帮忙	18	12	6
7	游泳	游游泳	20	10	10
8	消毒	消消毒	15	15	0
9	补课	补补课	20	10	10
10	动手	动动手	18	12	6
11	会客	会会客	10	20	10
12	打工	打打工	16	14	2
13	滑冰	滑滑冰	18	12	6
14	喘气	喘喘气	7	23	16
15	聊天儿	聊聊天儿	25	5	20
16	打工	打打工	19	11	8
17	动脑	动动脑	20	10	10
18	招手	招招手	15	15	0
19	划船	划划船	20	10	10
20	敲门	敲敲门	13	17	4
Tổng (∑)			334	266	68
Số trung bình (X)			16.7	13.3	3.4
Tỉ lệ (%)			56%	44%	
Phương sai (S2)			492/19 = 25.91	492/19 = 25.91	
Độ lệch chuẩn (S)			5.09	5.09	

Biểu so sánh kết quả khảo sát hình thức lặp lại của từ li hợp của sinh viên.

Hình 4. So sánh kết quả khảo sát hình thức lặp lại của từ li hợp của sinh viên

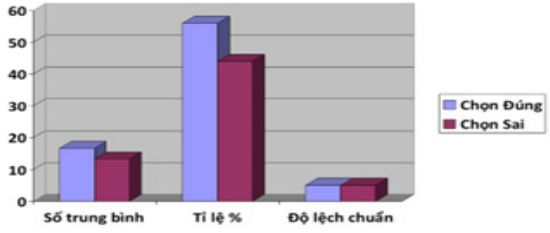

Từ kết quả khảo sát trên, có thể thấy, sinh viên hiểu biết tương đối rõ ràng về từ li hợp thường gặp. Điều này thể hiện qua việc sinh viên có thể chèn nhiều thành phần hơn đối với các từ li hợp thường gặp, ví dụ: “帮忙、见面、吃惊、挨打、挨骂、吃苦、发烧、　握手、打针、得病、动手、读书、请假、放假、过年、生气、上班、　上课、讲课、听课、生病、得病、照相、聊天儿、起床、睡觉、说 话、谈话、下课”... Chỉ có hai từ hai từ “称心” và “问好” khiến sinh viên lúng túng khi chèn các thành phần khác vào.

Thực trạng sinh viên ở các trình độ và giai đoạn học tập khác nhau có sự chênh lệch rõ rệt trong việc sử dụng hình thức phân li của từ li hợp. Dữ liệu từ bảng 3 cho thấy, sinh viên ở giai đoạn trình độ sơ cấp có tần suất sử dụng từ li hợp dạng phân li thấp hơn đáng kể so với sinh viên ở trình độ trung cấp. Điều này có thể xuất phát từ việc sinh viên sơ cấp chưa nắm vững quy tắc ngữ pháp, chủ yếu sử dụng từ li hợp theo thói quen hoặc bắt chước mà chưa hiểu sâu về cách vận dụng linh hoạt trong câu. Ngược lại, sinh viên trung cấp có vốn từ vựng phong phú hơn, khả năng tiếp nhận ngữ pháp tốt hơn, nên việc sử dụng từ li hợp ở dạng phân li cũng đa dạng hơn.

Tuy nhiên, dù ở trình độ nào, sinh viên vẫn mắc nhiều lỗi sai liên quan đến từ li hợp. Các lỗi phổ biến nhất là do chưa hiểu rõ về các hình thức mở rộng từ li hợp, đặc biệt là nhầm lẫn giữa từ li hợp dạng động-tân và động từ song âm tiết thông thường. Ngoài ra, nhiều sinh viên còn gặp khó khăn trong việc sử dụng các hình thức lặp lại của từ li hợp, hoặc không biết cách chèn các thành phần bổ ngữ, trạng ngữ, tân ngữ một cách hợp lý, dẫn đến cấu trúc câu không chuẩn.

Qua nhiều năm học tập, nghiên cứu và giảng dạy tiếng Hán, chúng tôi nhận thấy rằng từ li hợp luôn là một điểm ngữ pháp khó đối với người học tiếng Hán. Những lỗi sai liên quan đến từ li hợp không chỉ xuất hiện trong bài viết mà còn phổ biến trong giao tiếp nói và dịch thuật. Khi nói, sinh viên có xu hướng sử dụng từ li hợp theo mô hình quen thuộc mà không chú ý đến cách tách hoặc kết hợp từ một cách chính xác. Khi viết, sinh viên thường tránh dùng từ li hợp phức tạp do lo ngại mắc lỗi, điều này làm hạn chế khả năng biểu đạt ngôn ngữ một cách tự nhiên. Trong khi đó, khi dịch từ tiếng Việt sang tiếng Hán, nhiều sinh viên không nhận ra từ tương ứng trong tiếng Trung là một từ li hợp, dẫn đến sai sót trong cách sử dụng..

Nhìn chung, thực trạng này cho thấy việc giảng dạy từ li hợp cần có cách tiếp cận chuyên sâu hơn. Không chỉ dừng lại ở việc giới thiệu khái niệm và cấu trúc, mà còn cần có các bài tập phân tích, thực hành đa dạng để giúp sinh viên hiểu rõ và sử dụng từ li hợp một cách chính xác trong cả văn nói lẫn văn viết.

5. Bàn luận

Kết quả khảo sát về tần suất sử dụng từ li hợp của sinh viên năm 2 chuyên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc tại Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại tỉnh Lào Cai đã phản ánh một số vấn đề quan trọng liên quan đến khả năng sử dụng ngữ pháp, thói quen diễn đạt và khó khăn mà sinh viên gặp phải trong quá trình học tập.5.1. Mức độ sử dụng từ li hợp của sinh viên

Dữ liệu thu thập cho thấy sinh viên đã có ý thức sử dụng từ li hợp trong quá trình viết và giao tiếp. Tuy nhiên, tần suất sử dụng vẫn chưa thực sự đồng đều giữa các nhóm sinh viên. Cụ thể, trong số 100 bài viết và bài nói được phân tích, khoảng 60% sinh viên sử dụng từ li hợp ít nhất một lần trong bài viết hoặc bài nói, trong khi 40% còn lại sử dụng rất ít hoặc không sử dụng từ li hợp. Điều này cho thấy vẫn còn một bộ phận sinh viên chưa nắm vững cách sử dụng từ li hợp hoặc chưa nhận thức đầy đủ về vai trò của nhóm từ này trong tiếng Hán.

Một số sinh viên có xu hướng sử dụng từ li hợp khá thường xuyên, đặc biệt trong các bài viết miêu tả hoạt động hằng ngày. Những từ li hợp phổ biến nhất được sử dụng gồm “见面” (gặp mặt), “聊天” (trò chuyện), “上课” (lên lớp), “结婚” (kết hôn). Tuy nhiên, khi phân tích sâu hơn, có thể thấy sinh viên chỉ sử dụng một số từ li hợp quen thuộc mà ít khi mở rộng sang các từ li hợp ít phổ biến hơn như “商量” (thương lượng), “报名” (đăng ký) hoặc “道歉” (xin lỗi). Điều này có thể xuất phát từ sự hạn chế trong vốn từ hoặc do phương pháp giảng dạy chưa chú trọng đầy đủ đến nhóm từ này.

5.2. Những lỗi sai phổ biến khi sử dụng từ li hợp

Từ phân tích lỗi sai trong bài viết của sinh viên, có thể thấy rằng các lỗi thường gặp chủ yếu thuộc ba nhóm chính:

Nhầm lẫn giữa từ li hợp và động từ đơn: Sinh viên thường không nhận ra từ nào là từ li hợp, dẫn đến việc sử dụng sai cấu trúc câu. Ví dụ, thay vì nói “跟朋友见面” (gặp gỡ bạn bè), một số sinh viên lại viết sai thành “见面朋友” (cấu trúc không hợp lệ). Ngoài ra, lỗi này cũng xuất hiện với các từ như “帮助” (giúp đỡ) và “帮助人” (sai), thay vì “帮助别人” (đúng).

Sử dụng sai cách tách từ li hợp: : Một số sinh viên không biết cách tách từ li hợp đúng cách khi thêm bổ ngữ hoặc thành phần khác. Ví dụ, thay vì nói “聊了一会儿天” (trò chuyện một lúc), một số sinh viên lại viết sai thành “聊天了一会儿” (cấu trúc không đúng). Lỗi này cũng xuất hiện khi sinh viên sử dụng từ li hợp với các bổ ngữ kết quả hoặc thời gian.

Giới hạn trong khả năng sử dụng từ li hợp với các thành phần bổ sung: Mặc dù sinh viên có thể chèn

một số yếu tố vào từ li hợp, nhưng việc sử dụng các thành phần như tân ngữ, trạng ngữ hoặc bổ ngữ vẫn chưa linh hoạt. Đặc biệt, khi cần sử dụng từ li hợp trong các câu phức tạp, nhiều sinh viên gặp khó khăn trong việc xác định vị trí chính xác của các thành phần này.

5.3. Ảnh hưởng của phương pháp giảng dạy đến việc sử dụng từ li hợp

Phương pháp giảng dạy đóng vai trò quan trọng trong việc giúp sinh viên nắm vững cách sử dụng từ li hợp. Nếu trong quá trình giảng dạy, giảng viên chỉ tập trung vào việc truyền đạt kiến thức ngữ pháp chung mà không có bài tập chuyên sâu về từ li hợp, sinh viên sẽ khó nhận diện và vận dụng thành thạo nhóm từ này.

Ngoài ra, các hoạt động thực hành ngôn ngữ trong lớp học cũng có ảnh hưởng đáng kể. Những sinh viên thường xuyên thực hành giao tiếp bằng tiếng Trung có xu hướng sử dụng từ li hợp nhiều hơn so với những sinh viên chủ yếu học theo kiểu ghi nhớ lý thuyết. Điều này cho thấy cần tăng cường các bài tập vận dụng thực tế để giúp sinh viên hình thành phản xạ tự nhiên khi sử dụng từ li hợp.

5.4. Đề xuất cải thiện

Từ những phát hiện trên, có thể đề xuất một số giải pháp để giúp sinh viên sử dụng từ li hợp chính xác và linh hoạt hơn:

Tăng cường bài tập thực hành về từ li hợp: Các bài tập điền từ, sắp xếp câu, và viết đoạn văn có sử dụng từ li hợp nên được đưa vào chương trình học một cách có hệ thống.

Khuyến khích sinh viên mở rộng vốn từ li hợp: Giảng viên có thể xây dựng danh sách từ li hợp theo chủ đề và yêu cầu sinh viên luyện tập sử dụng trong các tình huống khác nhau.

Sử dụng phương pháp giảng dạy có tính tương tác cao: Các hoạt động như đóng vai, thảo luận nhóm, và luyện nói có thể giúp sinh viên vận dụng từ li hợp một cách tự nhiên hơn trong giao tiếp hàng ngày.

Chỉnh sửa lỗi sai có hệ thống: Giáo viên nên tổng hợp các lỗi sai phổ biến và phân tích kỹ nguyên nhân, từ đó giúp sinh viên nhận thức rõ hơn về cách sử dụng đúng từ li hợp.

Ứng dụng công nghệ vào giảng dạy: Sử dụng các phần mềm học tiếng Hán có tính năng nhận diện lỗi ngữ pháp hoặc xây dựng bài tập thực hành trên các nền tảng trực tuyến giúp sinh viên tự học và tự sửa lỗi hiệu quả hơn.

Nhìn chung, sinh viên năm 2 đã có những bước tiến nhất định trong việc sử dụng từ li hợp, nhưng vẫn còn tồn tại một số hạn chế đáng kể, đặc biệt là về sự linh hoạt và độ chính xác trong cách sử dụng. Những lỗi sai phổ biến phản ánh sự cần thiết của việc điều chỉnh phương pháp giảng dạy để giúp sinh viên hiểu sâu hơn về cấu trúc và cách sử dụng từ li hợp trong tiếng Trung. Việc tăng cường bài tập thực hành, mở rộng vốn từ và áp dụng phương pháp giảng dạy linh hoạt sẽ giúp sinh viên sử dụng từ li hợp một cách chính xác và tự nhiên hơn trong quá trình học tập và giao tiếp thực tế.

6. Kết luận

Nghiên cứu về tần suất sử dụng từ li hợp của sinh viên năm 2, chuyên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc, tại Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại tỉnh Lào Cai đã cung cấp những dữ liệu quan trọng về mức độ sử dụng, những lỗi sai phổ biến cũng như những yếu tố ảnh hưởng đến khả năng vận dụng từ li hợp của sinh viên.

Kết quả khảo sát cho thấy rằng mặc dù sinh viên đã có nhận thức nhất định về từ li hợp và biết cách sử dụng một số từ thông dụng, nhưng vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế trong việc áp dụng linh hoạt nhóm từ này vào thực tế ngôn ngữ. Đặc biệt, sinh viên gặp khó khăn trong việc phân biệt từ li hợp với động từ đơn, tách từ li hợp theo đúng quy tắc, và sử dụng từ li hợp trong các cấu trúc phức tạp. Những lỗi sai này không chỉ xuất hiện trong bài viết mà còn ảnh hưởng đến kỹ năng nói, khiến sinh viên đôi khi lúng túng trong giao tiếp thực tế.

Một trong những nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng này là phương pháp giảng dạy chưa thực sự chú trọng đến từ li hợp, cùng với việc sinh viên còn hạn chế trong thực hành giao tiếp tiếng Trung. Các bài học trên lớp chủ yếu tập trung vào lý thuyết, chưa có nhiều bài tập vận dụng chuyên sâu để giúp sinh viên nắm vững và sử dụng từ li hợp một cách chính xác. Đồng thời, sinh viên cũng chưa chủ động mở rộng vốn từ của mình, dẫn đến tình trạng chỉ sử dụng một số từ li hợp quen thuộc mà không linh hoạt áp dụng các từ li hợp ít phổ biến hơn.

Điều này cho thấy cần có sự điều chỉnh trong cách tiếp cận giảng dạy, bao gồm tăng cường bài tập thực hành, mở rộng vốn từ li hợp theo chủ đề, khuyến khích sinh viên sử dụng từ li hợp trong các ngữ cảnh giao tiếp thực tế, và có phương pháp sửa lỗi hiệu quả. Việc áp dụng công nghệ vào giảng dạy, như sử dụng phần mềm học tiếng Trung hoặc các ứng dụng nhận diện lỗi ngữ pháp, cũng có thể hỗ trợ sinh viên nhận diện lỗi sai và cải thiện kỹ năng sử dụng từ li hợp.

Từ kết quả nghiên cứu, có thể thấy rằng việc cải thiện khả năng sử dụng từ li hợp của sinh viên không chỉ giúp nâng cao độ chính xác trong ngữ pháp mà còn góp phần cải thiện kỹ năng diễn đạt bằng tiếng Hán. Đây là một kỹ năng quan trọng, không chỉ phục vụ cho việc học tập mà còn có ý nghĩa thực tiễn trong môi trường làm việc sau này, đặc biệt đối

với những sinh viên có định hướng theo đuổi các ngành nghề liên quan đến tiếng Hán như biên phiên dịch, giảng dạy hoặc thương mại quốc tế.

Trong tương lai, các nghiên cứu tiếp theo có thể mở rộng phạm vi khảo sát trên đối tượng sinh viên các năm học khác hoặc so sánh với sinh viên của các trường đại học khác để có cái nhìn tổng quan hơn về thực trạng sử dụng từ li hợp trong tiếng Hán. Ngoài ra, việc phân tích sâu hơn về nguyên nhân dẫn đến lỗi sai có thể giúp đề xuất các phương pháp giảng dạy phù hợp nhằm cải thiện kỹ năng sử dụng từ li hợp của người học tiếng Hán. Bên cạnh đó, các nghiên cứu có thể tập trung vào việc xây dựng các mô hình giảng dạy hiệu quả hơn, giúp sinh viên tiếp thu kiến thức một cách tự nhiên và áp dụng linh hoạt trong giao tiếp thực tế.

Tài liệu tham khảo

1. Lu, S. X. (1985), *The Issue of Word Classes in Modern Chinese,* Education Publishing House, Beijing,

2. Li, X. (2002), *A Study on Errors in the Use of Separable Verbs by Learners of Chinese as a Second Language,* Language Publishing House, Shanghai

3. Wang, L., *A Survey of Factors Affecting Foreign Learners' Acquisition of Separable Verbs,* Journal of Linguistics, vol. 5, no. 3, pp. 45-58, 2010.

4. Mai,T.H., *Grammatical Features and Usage of Separable Verbs in Chinese,* Journal of Language and Life, no. 12, pp. 34-40, 2015.

5. Ngo,T.L.M., *A Study and Analysis of Errors in the Use of Verb-Object Type Separable Verbs by Vietnamese Students,* Master's Thesis, University of Social Sciences and Humanities, Hanoi, 2007.

6. Nguyen,T.T.A., *The Current Situation of Teaching Chinese Separable Verbs at the University of Social Sciences and Humanities, Vietnam National University, Hanoi and Some Teaching Recommendations,* Journal of Education, no. 278, pp.20-25, 2012.

KHẢO SÁT TẦN SUẤT SỬ DỤNG ĐỘNG TỪ LI HỢP CỦA SINH VIÊN NĂM THỨ 2 CHUYÊN NGÀNH NGÔN NGỮ TRUNG QUỐC, PHÂN HIỆU ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN TẠI TỈNH LÀO CAI

Trần Thị Thùy Linh

Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại tỉnh Lào Cai.

Email: linhttt@tnu.edu.vn

Ngày nhận bài:	20/02/2025
Ngày phản biện:	26/02/2025
Ngày tác ác giả sửa:	04/03/2025
Duyệt đăng:	20/03/2025
Phát hành:	30/03/2025

DOI:

https://doi.org/.../.../..

Bài viết khảo sát tần suất sử dụng động từ li hợp của sinh viên năm thứ 2, chuyên ngành Ngôn ngữ Trung Quốc tại Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại tỉnh Lào Cai. Nghiên cứu phân tích 500 bài viết của sinh viên năm thứ 2 trong các năm học 2022-2023 và 2023-2024, đồng thời thực hiện khảo sát về khả năng chèn thành phần khác vào động từ li hợp. Kết quả cho thấy sinh viên sử dụng động từ li hợp với tần suất cao, đặc biệt trong các bài viết về chủ đề quen thuộc. Tuy nhiên, mức độ sử dụng có sự khác biệt giữa trình độ sơ cấp và trung cấp, với sinh viên trung cấp sử dụng đa dạng và linh hoạt hơn. Khả năng chèn thành phần vào động từ li hợp còn hạn chế, nhất là ở giai đoạn sơ cấp. Nghiên cứu giúp làm rõ thực trạng sử dụng động từ li hợp của sinh viên, từ đó đề xuất giải pháp giảng dạy phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả học tập tiếng Hán.

Từ khóa: *Từ li hợp, sinh viên năm 2, tần suất sử dụng, giảng dạy tiếng Hán*